

BẢNG TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

(Theo Quyết định 3652/QĐ-BYT Ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khả năng hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024 - 2025)

A. THÔNG TIN CHUNG

CƠ SỞ Y TẾ: 42314 - Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng - TP. Đà Nẵng

Kiểu đánh giá: 2. Bệnh viện tự đánh giá cuối năm

Lần thứ: 1

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Nội dung đánh giá	Điểm
1. Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	30
2. Đánh giá bộ tiêu chí chất lượng	
2.1. Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản	50
2.2. Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0	436,00
3. Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế	
3.1. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Nội trú	49,00
30	
3.2. Tỷ lệ % hài lòng người bệnh Ngoại trú	49,55
30	
3.3. Tỷ lệ % hài lòng Nhân viên	47,07
30	
4. Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực	30
5. Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế	
5.1. Đặt lịch hẹn khám	30
5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa	15
5.3. Triển khai bệnh án điện tử	30
5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, chuyển viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ	20



5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện	30
5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	40
5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, số giường thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực...	10
5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	20
6. Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý	30
TỔNG ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	916,62

C. BẢNG CHỨNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. BẢNG CHỨNG BỘ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ BẢN

NHÓM TIÊU CHUẨN	TIÊU CHUẨN	BẢNG CHỨNG
I. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất	13	14
II. Tiêu chuẩn về quy mô và cơ cấu tổ chức	9	10
III. Tiêu chuẩn về nhân sự	2	2
IV. Tiêu chuẩn về thiết bị y tế	5	6
V. Tiêu chuẩn về chuyên môn	14	17

2. BẢNG CHỨNG BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG 2.0

NHÓM TIÊU CHÍ	TIÊU MỤC	BẢNG CHỨNG
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19 tiêu chí)		
CHƯƠNG A1. CHỈ DẪN, ĐÓN TIẾP, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (6 tiêu chí)	141	51
CHƯƠNG A2. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH	84	51
CHƯƠNG A3. ĐIỀU KIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH	32	20
CHƯƠNG A4. QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI BỆNH	111	23
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN		
CHƯƠNG B1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NHÂN LỰC BỆNH VIỆN	48	13
CHƯƠNG B2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC	55	13
CHƯƠNG B3. CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ ĐIỀU KIỆN, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC	65	5
CHƯƠNG B4. LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN	65	10
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN		
CHƯƠNG C1. AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN CHÁY NỔ	58	25

CHƯƠNG C2. QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN	40	24
CHƯƠNG C3. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	44	27
CHƯƠNG C4. PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN	124	63
CHƯƠNG C5. CHẤT LƯỢNG LÂM SÀNG	89	4
CHƯƠNG C6. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH	78	6
CHƯƠNG C7. DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ	83	22
CHƯƠNG C8. CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM	46	47
CHƯƠNG C9. QUẢN LÝ CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC	130	70
CHƯƠNG C10. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	27	16
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG		
CHƯƠNG D1. THIẾT LẬP HỆ THỐNG VÀ XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG	63	43
CHƯƠNG D2. PHÒNG NGỪA CÁC SAI SÓT, SỰ CỐ VÀ KHẮC PHỤC	94	28
CHƯƠNG D3. ĐÁNH GIÁ, ĐO LƯỜNG, HỢP TÁC VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG	42	13
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA		
CHƯƠNG E1. TIÊU CHÍ SẢN KHOA (ÁP DỤNG CHO BỆNH VIỆN CÓ KHÁM CHỮA BỆNH SẢN KHOA)	60	Chưa có
CHƯƠNG E2. TIÊU CHÍ NHI KHOA (ÁP DỤNG CHO BỆNH VIỆN CÓ KHÁM CHỮA BỆNH NHI KHOA)	16	Chưa có

Đoàn kiểm tra bằng chứng và chịu trách nhiệm về tính pháp lý, khoa học, chất lượng của bằng chứng

GHI CHÚ:

**TRƯỞNG PHÒNG/PHỤ TRÁCH
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**


ThS. Lê Thị Hoàng Vân

**GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN**



Nguyễn Thanh Hùng



Sở Y tế Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG

Địa chỉ chi tiết: Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Số giấy phép hoạt động: 0675/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 30/12/2015

Tuyến trực thuộc: 2. Tỉnh/Thành phố

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hạng bệnh viện: Hạng I

Loại bệnh viện: Ung bướu

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

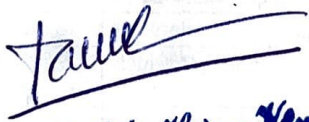
- TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 75/83 TIÊU CHÍ
- TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 90%
- TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 328 (Có hệ số: 353)
- ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 4.36

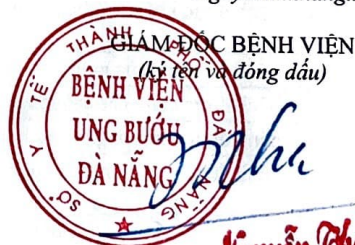
(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	0	4	39	32	75
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00	0.00	5.33	52.00	42.67	75

Ngày 17 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


TS. Lê Thị Hoàng Văn




Nguyễn Thanh Hùng

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chi tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)			
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)			
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	5	0	
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	4	0	
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	5	0	
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	5	0	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thủ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	5	0	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	5	0	
A2	A2. Điều kiện cơ.sở vật chất phục vụ người bệnh (5)			
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4	0	
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	0	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	0	
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	4	0	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	5	0	
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)			
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5	0	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	5	0	
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)			
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	0	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4	0	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	0	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	0	0	
A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	5	0	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	0	
B	PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)			
B1	B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)			
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	4	0	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	4	0	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	3	0	
B2	B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)			
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	4	0	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	5	0	
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	0	
B3	B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)			
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	3	0	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	0	

Mã số	Chi tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	5	0	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế	4	0	
B4	B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)			
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	4	0	
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	4	0	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	0	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	5	0	
C	PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)			
C1	C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)			
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	4	0	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	4	0	
C2	C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)			
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	0	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	5	0	
C3	C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)			
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	5	0	
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4	0	
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)			
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	4	0	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	5	0	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	5	0	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	0	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	0	0	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	0	0	
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)			
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	0	0	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4	0	
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	4	0	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	4	0	
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	4	0	
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)			
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	0	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	5	0	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	5	0	
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)			
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4	0	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	5	0	
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	5	0	
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	5	0	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	4	0	
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)			

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024	Đoàn KT đánh giá NĂM 2024	Chi tiết
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	5	0	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	5	0	
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)			
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động được	4	0	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	4	0	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	0	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	4	0	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	5	0	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5	0	
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)			
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3	0	
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	4	0	
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)			
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)			
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5	0	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	5	0	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	4	0	
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)			
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	4	0	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4	0	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	4	0	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	0	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	4	0	
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)			
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	0	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	5	0	
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	0	
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA			
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)			
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	0	0	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	0	0	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	0	0	
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	0	0	

II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

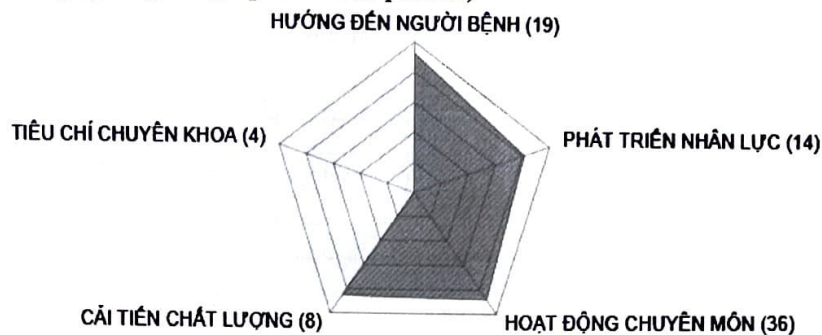
KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	0	0	7	11	4.61	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	0	1	5	4.83	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	0	3	2	4.40	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	0	3	2	4.40	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)	0	0	3	7	4	4.07	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	0	2	1	4.33	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	1	1	2	4.25	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	1	2	1	4.00	4
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	0	1	17	14	4.41	32
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	0	1	1	4.50	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	0	1	1	4.50	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	0	2	2	4.50	4
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	0	0	4	0	4.00	4
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	0	0	2	3	4.60	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	0	4	2	4.33	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	1	1	0	3.50	2
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	0	0	8	3	4.27	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	1	2	4.67	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	0	0	5	0	4.00	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	2	1	4.33	3
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA	0	0	0	0	0	0	
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	0	0	0	0	0	

III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

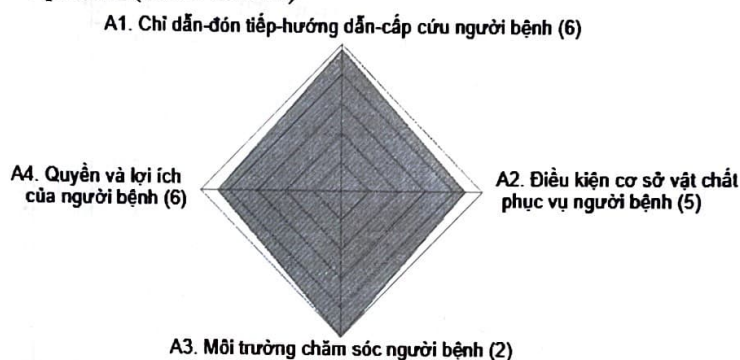
Bệnh viện thành lập đoàn tự kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2024. Bệnh viện tiến hành kiểm tra đánh giá 75 tiêu chí chất lượng và các minh chứng cụ thể, hoàn thành hồ sơ đánh giá, nhập điểm tự đánh giá lên phần mềm của Bộ y tế. Điểm bệnh viện tự đánh giá đạt 4.32 điểm.

IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

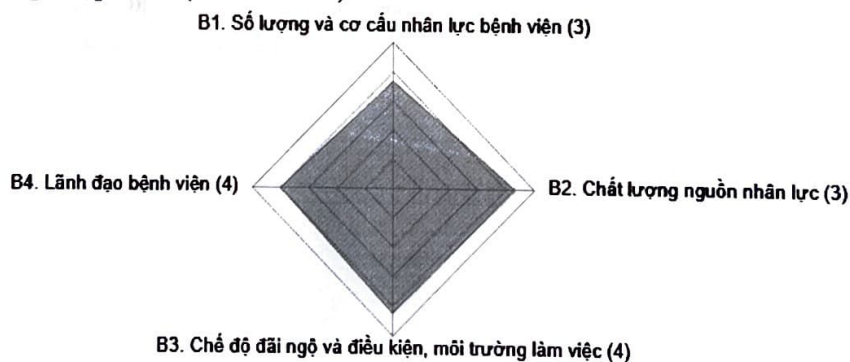
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



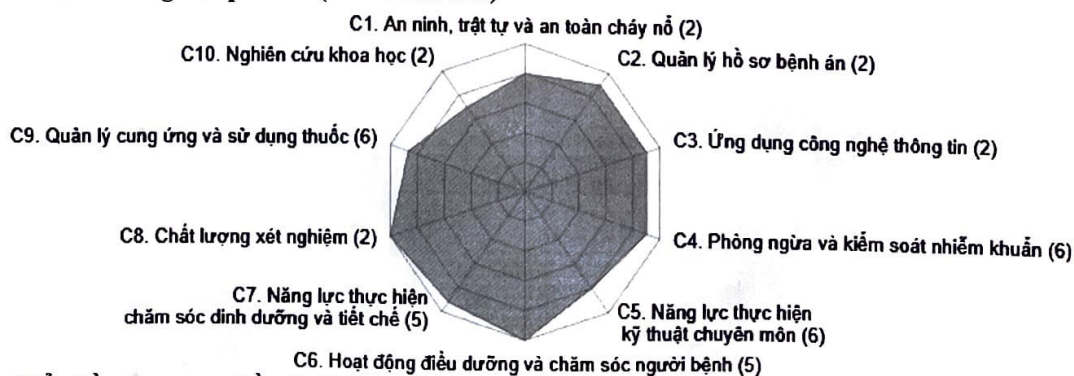
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)



- e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)

D1. Thiết lập hệ thống và xây dựng, triển khai
kế hoạch cải tiến chất lượng (3)



D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác
và cải tiến chất lượng (4)

D2. Phòng ngừa các sai sót, sự cố
và cách khắc phục (2)



Ngày 15/10/2024

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- Các khoa phòng đã xây dựng “Phiếu tóm tắt thông tin điều trị” và phát cho bệnh nhân theo dõi, tham gia vào quá trình điều trị. Bệnh viện đã áp dụng công nghệ thông tin thực hiện đánh giá thống kê thời gian chờ và tổng thời gian khám bệnh, thời gian cấp cứu người bệnh.
- Cơ sở vật chất bệnh viện xanh, sạch. Người bệnh được cung cấp phương tiện khi điều trị nội trú. Có phương tiện hỗ trợ người khuyết tật. Có áp dụng phương pháp 5S trong cải tiến chất lượng bệnh viện.
- Bệnh viện đã công khai, niêm yết giá tại các vị trí theo quy định, thuận tiện cho người bệnh theo dõi; đã thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử bệnh viện. Bệnh viện đã thực hiện cập nhật giá theo quy định mới.
- Có đội bảo vệ được đào tạo cơ bản; đảm bảo an ninh trật tự trong bệnh viện; có đầy đủ phương tiện và nhân lực phòng chống cháy nổ, có diễn tập hằng năm cho nhân viên trong bệnh viện.
- Bệnh viện quan tâm đến công tác đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực của bệnh viện thông qua chế độ đào tạo, thu hút, bồi dưỡng; đồng thời, xây dựng và đảm bảo các điều kiện sẵn sàng cho nguồn cán bộ quản lý lãnh đạo và đội ngũ kế cận có thể sử dụng khi cần. Giám đốc đơn vị được bổ nhiệm từ nguồn tại chỗ trong quy hoạch. Bệnh viện đã triển khai bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên y tế, người lao động; đã triển khai hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn theo Thông tư số 16/2018/TT-BYT quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Hội đồng điều dưỡng được thành lập và hoạt động thường xuyên. Đã xây dựng 13 chỉ số đánh giá chất lượng chăm sóc có tổng hợp, đánh giá, phân tích để đưa ra giải pháp cải tiến chất lượng chăm sóc. Có xây dựng tài liệu truyền thông-GDSK.
- Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện.
- Đơn vị thực hiện tốt nội kiểm xét nghiệm, đã thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm định kỳ, đầy đủ
- Bệnh viện có nỗ lực duy trì các mức điểm chất lượng về được.
- Bệnh viện duy trì tốt các hoạt động NCKH, sáng kiến; năm 2023 có 22 đề tài, 10 sáng kiến được Sở Y tế công nhận; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; xây dựng và triển khai áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến vào thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng bệnh viện.

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

Bệnh viện chưa triển khai thí điểm thi tuyển vị trí quản lý lãnh đạo.

VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Bố trí vách ngăn chia 2 khu vực riêng biệt cho nam và nữ ở khoa Nội 4 khu chăm sóc giảm nhẹ, đảm bảo tính riêng tư cho người bệnh.
- Đơn vị thường xuyên, kịp thời cập nhật giá mới theo quy định.
- Nghiên cứu phân công chủ trì thực hiện công tác quản lý cơ sở dữ liệu và thông tin y tế cho Phòng Kế hoạch tổng hợp để thực hiện đầy đủ, hiệu quả nội dung công tác.
- Hoàn thiện kế hoạch cải tiến chất lượng chung của bệnh viện có thể hiện cụ thể nội dung ưu tiên đầu tư, cải tiến chất lượng tại khoa có tỷ lệ hài lòng thấp. Hoàn thiện minh chứng đối với tiêu mục 16, 17 tiêu chí A4.5.
- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phải có chỉ tiêu số liệu cụ thể để đánh giá.
- Bổ sung tài liệu tham khảo trong xây dựng quy trình kỹ thuật điều dưỡng. Trong công tác chăm sóc điều dưỡng cần chú trọng công tác chăm sóc tinh thần giảm nhẹ cho người bệnh.
- Cần củng cố hồ sơ chứng minh về năng lực cung cấp suất ăn trên 90 phần trăm người bệnh, NVYT và người nhà theo tiêu mục 24 của C7.2.
- Cần phân tích chuyên sâu thêm về kết quả đánh giá chi phí – hiệu quả khi sử dụng thuốc trong điều trị.
- Quan tâm hướng đến các đề tài cấp cao hơn (thành phố, bộ, ngành) . Tiếp tục tăng cường áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn

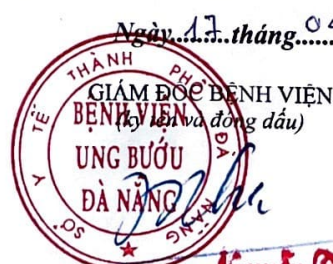
VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Bệnh viện tiếp tục phát huy, duy trì những mặt đã đạt được, có giải pháp khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.
- Sớm kiện toàn đội ngũ nhân lực để đảm bảo chất lượng hoạt động của bệnh viện; quan tâm, nghiên cứu, đề xuất cải tạo cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô giường bệnh để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.
- Tăng cường, làm tốt công tác tư vấn cho người bệnh trong bối cảnh việc thực hiện một số công tác chuyên môn còn khó khăn.
- Sớm triển khai cử nhân lực tham gia đào tạo ekip chuyên sâu; phối hợp với Trung tâm Y tế quận, huyện thực hiện các nội dung kế hoạch triển khai đơn vị vệ tinh.

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN
(ký tên)


TS. Lê Thị Hoàng Vân




Nguyễn Thanh Hằng